



































































Hệ	Mã Số	Mặt Cắt	T/N	STD	V	Mờ	Hệ	Mã Số	Mặt Cắt	T/N	STD	V	Mờ	
Cửa sổ lùa hệ 500	N5051	Máng trên 70 x 31.7 	473	476	554	455	Cửa sổ lùa TK 1089 & 890	10891	Máng trên 108.9 x 40 	833	818	943	816	
	N5052	Máng dưới 70 x 34.2 	429	436	511	422		10892	Máng dưới 108.9 x 60 	1,054	1,036	1,199	1,033	
	N5053	Đứng k/bao 72.8 x 22.1 	307	310	364	295		10894	Đứng k/bao 100 x 35 	548	538	622	536	
	N5054	Ngang c/trên 25.4 x 21.9 	239	247	288	231		10895	Đứng k/bao 100 x 35 	548	538	622	536	
	N5055	Ngang c/dưới 54 x 21.9 	342	343	412	330		10896	Khung bao 98.4 x 35 	623	621	718	610	
	N5056	Đứng c/móc 28.5 x 34.9 	307	310	385	302		10897	Ghép giữa 98.4 x 40 	946	932	1,076	927	
	N5057	Đứng c/trón 25.4 x 31.7 	253	253	305	246		10898	Máng c/định 108.9 x 80 	1,341	1,217	1,531	1,311	
	5058	Ghép máng c/d 70 x 15.9 	226	228	271	216		8901	Máng trên 89 x 40 	646	638	758	633	
	N5126	Tr/gian cánh 21.7 x 31.9 	162	167	197	161		8902	Máng dưới 89 x 60 	834	810	997	801	
	Cửa đi hệ 700	N7001	Ngang k/bao 70 x 30 	536	525	616		518	8904	Đứng k/bao 80 x 35 	421	413	512	408
N7002		Đứng k/bao 70 x 30 	446	444	531	432	8905	Ghép giữa 78.5 x 34 	697	685	896	670		
N7006		Ghép giữa 70 x 30 	714	718	865	695	8908	Máng c/định 89 x 65 	949	946	1,112	937		
N7051		Ngang tr/dưới 75 x 25.4 	698	694	852	681	8919	Khung bao 78.5 x 29.9 	423	416	570	414		
N7052		Đứng cánh trón 50 x 30 	495	496	596	480	8951	Cánh trong 50.8 x 21.5 	311	305	407	303		
N7053		Đứng cánh gờ 50 x 30 	569	571	679	561	8952	Cánh ngoài 75.6 x 21.5 	449	448	544	444		
N7054		Đổ ng/giữa 100 x 25.4 	827	820	998	810	8954	Cánh trón 42.7 x 25 	324	319	399	316		
S087		Đứng c/gờ 100 x 30 	959	949	1,133	940	8954A	Cánh trón 48.2 x 25 	330	325	403	320		
Cửa đi DK 1000	S088	Đứng c/trón 100 x 30 	832	824	978	815	8955	Cánh trên 36.9 x 18 	262	262	317	252		
	DK008	K/bao 101.6 x 44.5 	651	644	785	638	8957	Cánh móc 40 x 32.7 	365	362	433	358		
	DK052	Ghép k/bao 1000 	351	352	401	337	8959	Cánh móc (tay) 40 x 50.2 	511	500	621	493		
	N7005	Ghép giữa 70 x 30 	643	637	787	630	8970	Đứng c/lưới 35 x 16 	221	218	262	213		
Vách ngăn hệ 700 & 1000	N7008	Ghép giữa 70 x 30 	517	512	615	506	80280	Ngang c/lưới 52.5 x 13.7 	329	327	379	323		
	N7109	Khung bao 70 x 23 	382	373	462	376	80282	Ngăn c/lưới 20 x 13.7 	217	215	249	211		
	N7011	Hộp 2 gờ 25.4 x 76.2 	656	634	807	645	4m4	N7052	Đứng cánh trón 50 x 30 	364	363	452	353	
	N7012	Hộp 1 gờ 25.4 x 76.2 	597	571	695	577		N7053	Đứng cánh gờ 50 x 30 	419	417	520	405	
	N7019	Khung bao 25.4 x 76.2 	400	388	462	387		S087	Đứng c/gờ 100 x 30 	703	697	837	680	
	N1001	Hộp 2 gờ 44.5 x 101.6 	885	864	1,078	857		S088	Đứng c/trón 100 x 30 	609	605	726	589	
	N1002	Hộp 1 gờ 44.5 x 101.6 	848	848	1,044	827		4m8	N7052	Đứng cánh trón 50 x 30 	400	398	495	386
	N1009	Kh/bao 44.5 x 101.6 	634	634	782	631			N7053	Đứng cánh gờ 50 x 30 	455	451	562	443
	N4221	Lá sóng 107.7 x 6.5 	295	283	356	286			S087	Đứng c/gờ 100 x 30 	776	774	916	753
N4223	Lá phẳng 105 x 9.5 	281	283	356	278	S088			Đứng c/trón 100 x 30 	673	670	789	653	
Lá lam ri	N4332A	Lá hộp 103.5 x 9.5 	398	396	494	395		7656	Đứng cánh móc 40 x 28 	335	334	399	324	
	N2840A	Bản lè sàn 38.5 x 80 	1,230	1,188	1,386	1,192	9952 (6608)	Đứng cánh trón 51 x 2.9 	271	269	335	263		

Hệ	Mã Số	Mặt Cắt	T/N	STD	V	Mờ	Hệ	Mã Số	Mặt Cắt	T/N	STD	V	Mờ
Cửa đi lùa 1 & 2 cánh	7621	Máng trên 76 x 35	602	601	746	576	Cửa sổ bật hệ 38	3801	K/bao nhỏ 38.5 x 39.5	262	255	316	255
	7622	Máng dưới 76 x 17.5	496	496	633	480		3802	Đứng t/gian 38.5 x 66.5	444	436	583	435
	7622A	Máng dưới 76 x 34.2	540	537	650	519		3803	Cánh nhỏ 38.5 x 48	356	350	432	350
	7623	Đứng k/bao 79.4 x 22	372	368	452	362		3803A	Cánh lớn 38.5 x 68	481	471	572	471
	7624	Máng treo 46 x 34.4	452	453	569	432		3804	Ngang k/b lớn 70 x 52	471	462	583	462
	7626	Tr/gian cánh 35.6 x 26.5	252	243	293	245		3804A	Ngang t/gian 38.5 x 66	518	507	670	507
	7656	Đứng cánh móc 40 x 28	416	405	497	403		3805	Nẹp gài k/bao 37 x 23	170	167	231	167
	9913 (6604)	Đứng k/bao 37.7 x 32	338	338	413	322		3806	Nẹp gài cánh 17 x 15	106	105	154	104
	9914 (6605)	Rây đón 40 x 18	220	220	293	219		3807	Đứng k/bao lớn 70 x 52	463	464	550	460
	9915 (6606)	Máng trên 34.2 x 36.4	370	362	450	350		3808	Ghép t/gian 69.7 x 27.5	289	290	403	284
	9951 (6607)	Ngang dưới 70 x 25	489	489	615	464		3809	Ghép giữa 70 x 74	751	762	936	746
	9952 (6608)	Đứng cánh trơn 51 x 29	337	332	411	320		N4053 (N6105)	Hộp 12 x 20	118	118	143	111
	9954 (6609)	Ngang trên cánh 35 x 25	338	338	428	329		N9815 (N6108)	Hộp 12 x 25	130	130	156	123
	Các thanh tủ kệ	9748	Ngang tủ gỗ 37 x 18	330	325	400		310	N6125	Hộp 25 x 25	184	184	222
9751B (S071)		Bo 1 rãnh (bê) 30 x 30	276	270	342	255	N6102	Hộp 25 x 38	237	234	277	228	
N9753A		Cánh tủ trơn 27.5 x 14	132	137	165	126	N6103	Hộp 25.4 x 50	274	274	337	263	
N9754A		Cánh tủ gỗ 27.5 x 14	154	155	179	135	6138	Hộp 38 x 38	362	362	450	359	
N9753		Cánh tủ trơn 25.8 x 14	131	135	165	129	N7013	Hộp 25.4 x 76.2	447	450	556	445	
N9754		Cánh tủ gỗ 25.8 x 14	146	149	171	131	DK053	Hộp 30 x 50	289	290	378	286	
N9759		Bo 2 rãnh 28 x 28	191	195	231	173	N9864 (N6109)	Hộp 38 x 50	360	359	485	354	
L9759		Bo 2 rãnh 28 x 28	269	264	326	246	N9865 (N6110)	Hộp 38 x 76	441	437	560	433	
9761		Cánh tủ lớn 40 x 18	234	239	283	219	6107	Hộp 76 x 76	865	865	1,093	861	
9764		Cánh gỗ tủ lớn 40 x 18.8	246	243	303	228	N7004	Hộp 44.5 x 76.2	626	614	742	605	
4220		Lá đầu tủ 70.6 x 12.7	175	174	204	160	DK167	Hộp 25 x 100	567	559	747	557	
Các thanh nẹp kiếng		DK009	Đế gài 5ly 32.5 x 15	136	136	167	132	L1003	Hộp 44.5 x 100	867	863	1,081	861
	DK010	Nẹp gài 14.1 x 10.6	81	78	94	74	KH154	Hộp 100 x 100	1,136	1,135	1,487	1,122	
	DK077	U chỉ 2 mặt 34.5 x 18.2	216	213	256	204	DK160	Cánh trơn 44.5 x 50.9	501	502	619	489	
	DK101	Nẹp 31.65 x 18.5	159	161	231	153	Thanh khác	6001T	U 7 x 8.5	49	50	61	48
	DK102	Đế 60 x 20	230	231	330	217	4208 (9901)	Lá Z1 30.7 x 51.2	221	215	257	216	
	DK125	Đế gài 10 ly	153	153	183	150							
	DK126	Nẹp gài 10 ly	92	93	124	87							